

Số: 13/STG/CV-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam
Mã chứng khoán: STG
Địa chỉ trụ sở chính: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại: 028.62685858
Fax: 028.38266593
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Vũ Thành – Tổng Giám đốc
Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 028.6268.5858
Fax: 028.3826.6593
Loại công bố thông tin 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn www.sotrans.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**


ĐẶNG VŨ THÀNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

www.sotrans.com.vn



PHẦN 1



GIỚI THIỆU VỀ SOTRANS

► TỔNG QUAN VỀ SOTRANS

- Tên Công ty..... CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
- Tên tiếng anh SOUTH LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt SOTRANS
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... 0300645369
- Vốn điều lệ..... 928.533.570.000 đồng
- Địa chỉ 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại..... (84.28) 6268 5858
- Fax..... (84.28) 3826 6593
- Website..... www.sotrans.com.vn
- Mã chứng khoán..... STG

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ SOTRANS	2	PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022	15
Chặng đường hình thành và phát triển	6	PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23
Các hiệp hội tham gia và các chứng nhận	8	PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	29
Mô hình quản trị	10	PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY	31
Các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp của SOTRANS	10	PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	41
Các công ty liên doanh liên kết	12		
Các mục tiêu chủ yếu của công ty	13		
Các rủi ro	14		



▶▶ TỔNG QUAN VỀ SOTRANS

TỔNG QUAN VỀ SOTRANS



▶ **47⁺ năm**
hoạt động

▶ **400.000²**
Cảng

▶ **15.000⁺ Tấn**
Vận chuyển đường thủy

▶ **11.000⁺ Tấn**
Hàng dự án

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM (SOTRANS) được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại. SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần từ năm 2007. SOTRANS là một trong những công ty hàng đầu trong ngành logistics tại Việt Nam, với hệ thống kho, bãi, cảng trải dài trên khắp cả nước.

SOTRANS hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, kinh doanh xăng dầu. SOTRANS có hệ thống đại lý tại hơn 100 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của SOTRANS luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Từ năm 2016, với sự đầu tư vào các công ty trong ngành logistics hướng đến hệ sinh thái logistics đa dạng đáp ứng nhu cầu thị trường, các công ty con góp mặt vào SOTRANS GROUP như: SOWATCO phát triển kinh doanh lõi về cảng biển, xà lan, đóng tàu; VIETRANSTIMEX phát triển kinh doanh lõi về vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; SOTRANS LOGISTICS phát triển kinh doanh về mảng kho, bãi, giao nhận, vận tải, cước vận tải quốc tế, ... cùng nhiều công ty liên doanh, liên kết khác. SOTRANS là công ty mẹ tập trung quản lý hoạt động nguồn vốn, đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của các công ty con.

SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni-President, PepsiCo, Samsung, P&G, Colgate-Palmolive, FrieslandCampina, Texhong.. lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ logistics tại thị trường Việt Nam.

Trong quá trình hoạt động, SOTRANS đã không ngừng mở rộng địa bàn kinh doanh, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. SOTRANS được tặng nhiều cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại và Chính phủ, đặc biệt SOTRANS được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng II năm 2005 và Huân chương lao động hạng I năm 2010.

Thương hiệu SOTRANS 3 năm liền từ 2006 đạt giải thưởng - Thương hiệu mạnh Việt Nam - do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Thương mại) tổ chức.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

SOTRANS là một công ty đa ngành hoạt động trên nhiều lĩnh vực, trong đó các hoạt động chính của Công ty là: vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao

nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt; kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn, các dịch vụ liên quan đóng tàu và cấu kiện nổi, sửa chữa tàu thuyền; cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước, dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy...

Với hơn 47 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics, SOTRANS cung ứng chuỗi dịch vụ logistics theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

▶▶ CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP 1975 → 1987

Ngày 14 tháng 10 năm 1975, công ty Kho Vận Cấp 1 - tiền thân của Công ty CP Kho Vận Miền Nam, SOTRANS ngày nay - đã được thành lập trên cơ sở tiếp quản Kho Tôn Trữ Thủ Đức và Nha chuyển vận/ Nha bảo trì thuộc cơ quan tiếp vận trung ương của chính quyền Sài Gòn.

Nhiệm vụ chính của công ty tại thời điểm này là các hoạt động kho bãi, vận chuyển nội địa các mặt hàng nhu yếu phẩm trên tuyến đường Nam - Bắc, tham gia vào quá trình tái thiết đất nước sau thời gian chiến tranh, cũng như làm các nghĩa vụ quốc tế đối với các nước bạn Lào và Campuchia.

Trong thời kỳ này, Công ty là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực kho bãi và vận chuyển nội thương, với hàng trăm xe tải, hàng ngàn tấn phương tiện vận tải ven biển và vận tải đường sông. Trong nhiều năm liền, Công ty đã liên tục hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước về kho bãi, giao nhận, vận chuyển Nam Bắc và các nghĩa vụ quốc tế.

GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP 1988 → 1991

Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và cơ chế quan liêu bao cấp đã tạo ra không ít khó khăn cho công ty trong thời điểm này. Hàng hóa thiếu về số lượng và chất lượng, kho hàng để trống trong thời gian dài, thị trường vận tải trong nước cả đường bộ lẫn đường thủy đều sa sút. Công ty phải thanh lý hết các phương tiện vận tải: tàu bè, xà lan, đoàn xe tải... và tìm kiếm những giải pháp kinh doanh phù hợp hơn.

Năm 1990, Công ty thành lập Xí Nghiệp Kinh Doanh Thương Mại, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dầu nhờn thương hiệu SOLUBE. Đây được thưởng Thương mại Dịch vụ.

CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN 1992 → 2007

Năm 1992 - SOTRANS INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS bắt đầu đi vào hoạt động, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử Công ty. SOTRANS giờ đây đã có hệ thống đại lý trên toàn thế giới. Trong giai đoạn này, SOTRANS trở thành thành viên của các tổ chức như Phòng thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam (VIFFAS - VLA), Hiệp hội Vận tải Giao nhận quốc tế (FIATA).

Năm 2001, hệ thống quản lý chất lượng của SOTRANS đã được DNV - một trong những tổ chức quản lý chất lượng có uy tín nhất thế giới cấp chứng chỉ ISO 9001 phiên bản 2000. Cho đến năm 2005, SOTRANS đã chính thức là thành viên của VCCI, VIFFAS - VLA, FIATA và IATA. Với chính sách tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng những đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường, hiện nay tại SOTRANS đã có những Tiến sĩ, Thạc sĩ, hàng trăm Cử nhân và hàng chục người vẫn đang tiếp tục theo học các chương trình Cao học.

SOTRANS cũng tham gia mạnh mẽ vào hoạt động cộng đồng: tham gia quỹ vì người nghèo, quỹ khuyến học, các công tác từ thiện, chương trình "đền ơn đáp nghĩa" phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Công ty đã được Nhà nước tặng 5 Huân chương Lao động cho tập thể, 4 Huân chương Lao động cho cá nhân, nhiều cờ thi đua, bằng khen của Bộ Thương mại và các ngành các cấp khác. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập SOTRANS (14/10/1975 - 14/10/2005) Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng 1 của Chủ tịch nước trao tặng.

GIAI ĐOẠN CỔ PHẦN HÓA 2007 → NAY

Năm 2007, SOTRANS chuyển đổi thành Công ty Cổ phần với tên mới là CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM và đoạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009. Vào năm 2010, thành lập Xí nghiệp GNVT Quốc Tế Tiêu Điểm (SOTRANS Focus), Cảng Kho vận (SOTRANS ICD) và Xí nghiệp Vật Tư Xăng Dầu (SOTRANS Petrol). Nhân kỉ niệm 35 năm thành lập, SOTRANS vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng Nhất và đoạt giải thưởng Thương mại Dịch Vụ.

Hiện nay SOTRANS có đội ngũ trên 1200 CB CNV, hoạt động trong các lĩnh vực: kinh doanh kho bãi, kinh doanh xăng dầu, dịch vụ giao nhận vận tải trong nước và quốc tế, cảng thông quan nội địa. Công ty có mạng lưới hoạt động cả nước, hệ thống đại lý giao nhận toàn cầu, cơ sở vật chất đủ đáp ứng nhu cầu khách hàng với hàng trăm ngàn m2 kho bãi cảng, các thiết bị bốc dỡ vận chuyển container và hàng hóa hiện đại. SOTRANS đã trở thành thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế với tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 20 đến 30%.

▶▶ CÁC HIỆP HỘI THAM GIA VÀ CÁC CHỨNG NHẬN

CARVRE SEVEN (C7):

Nhiệm vụ của CARVRE SEVEN là tạo ra một môi trường thúc đẩy các mối quan hệ KINH DOANH thông qua MẠNG LƯỚI ĐỔI MỚI giữa các chuyên gia trong ngành logistics quốc tế. Mục tiêu của CARVRE SEVEN là tạo ra một nền tảng tạo điều kiện cho CỘNG TÁC VÀ ĐỒNG HÀNH đồng thời tiếp tục cung cấp cho các thành viên trong Hiệp hội KIẾN THỨC cho các vấn đề về Hậu Cản, Giao nhận và Vận chuyển.



SOTRANS là thành viên CARVRE năm 2017.

HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ LOGISTICS VIỆT NAM (VLA):

Hiệp hội các doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam được thành lập năm 2016 với tiền thân là Hiệp hội Giao nhận Vận tải Việt Nam (VIFFAS).



SOTRANS là thành viên VLA năm 1996.

AIR & SEA ASSOCIATION:

ASA Network cung cấp hệ thống những Công ty giao nhận vận tải độc lập được lựa chọn - Các công ty logistics & môi giới hải quan, đây được xem như là một cơ hội tuyệt vời để phát triển kinh doanh với các đối tác được thành lập tốt trong cùng ngành trên khắp thế giới.



SOTRANS là thành viên ASA năm 2015.

WCA PROJECT:

Tất cả các hội viên trong WCA Projects Network đều có hồ sơ chứng minh hoạt động liên quan đến các dự án thuộc lĩnh vực thương mại, quân sự hoặc các dự án thuộc hoạt động của chính phủ chủ trì và điều này thể hiện sự cam kết hoàn toàn trong việc cung cấp cho khách hàng cũng như các đối tác những dịch vụ tốt nhất nhằm đáp ứng trong những thời hạn quan trọng.



SOTRANS là thành viên WCA năm 2018.

▶▶ CÁC HIỆP HỘI THAM GIA VÀ CÁC CHỨNG NHẬN

SOTRANS tham gia đầy đủ các hiệp hội ngành nghề, nhằm đảm bảo dịch vụ đạt chuẩn quốc tế khi cung cấp đến khách hàng.

HIỆP HỘI GIAO NHẬN VẬN TẢI QUỐC TẾ (FIATA):



FIATA là tên gọi viết tắt từ tiếng Pháp của Liên đoàn các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế (Fédération Internationale des Associations de Transitaires et Assimilés), tên chính thức bằng tiếng Anh là "International Federation of Freight Forwarders Associations".

Thành lập vào ngày 31/05/1926 và liên tục phát triển, trong nhiều năm qua FIATA đã trở thành người đại diện cho giới cung cấp dịch vụ logistics chuyên nghiệp toàn cầu. Thành viên của FIATA chủ yếu là các Hiệp hội Giao nhận và Logistics của các Quốc gia. Hiện tại, Hiệp hội có khoảng 40.000 công ty Giao nhận và Hậu cần Logistics tại 150 Quốc gia.

SOTRANS là thành viên FIATA năm 1997.

HIỆP HỘI VẬN TẢI HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ:

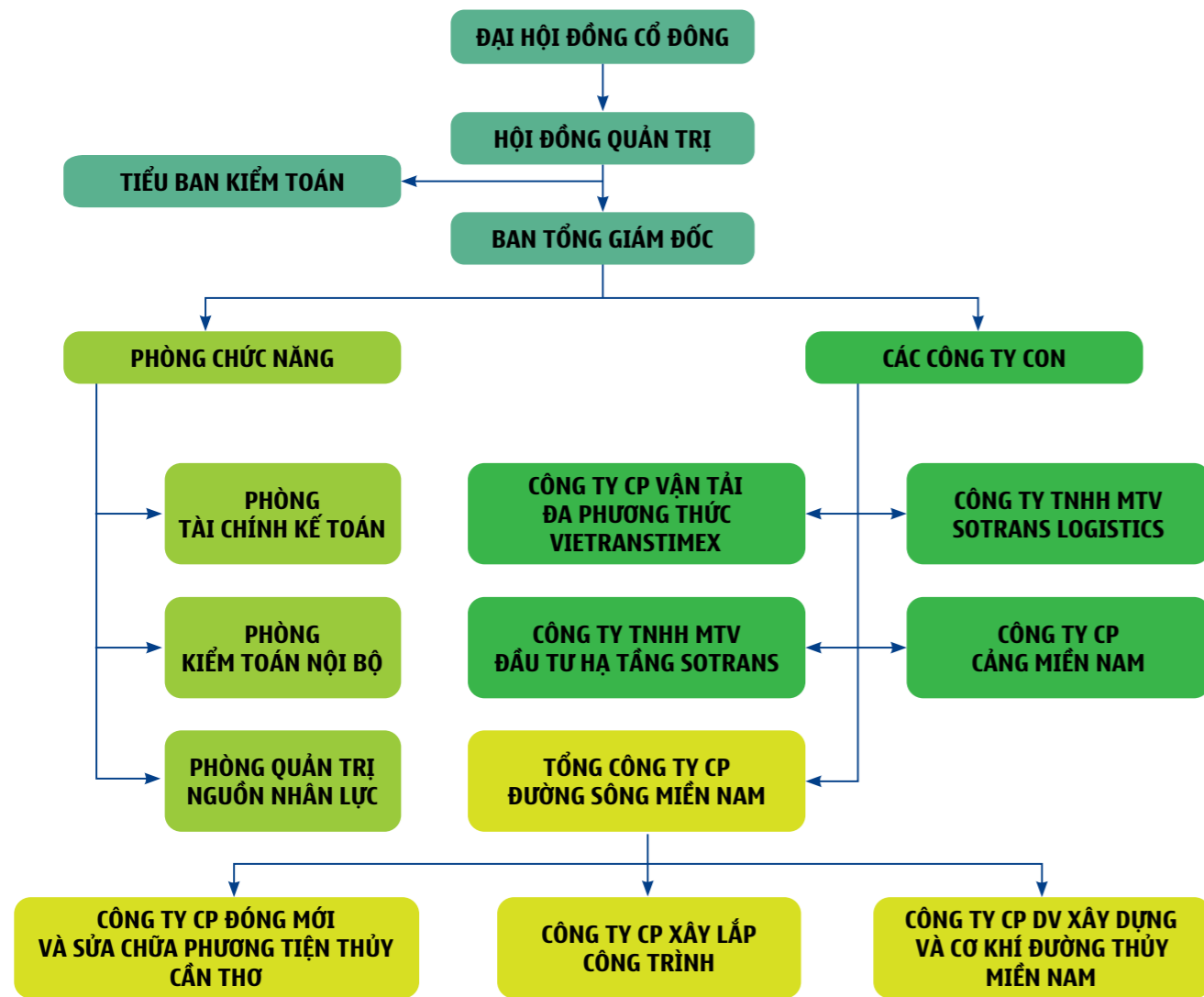


Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (International Air Transport Association viết tắt IATA) là một nhóm nghề nghiệp quốc tế của các hãng hàng không có trụ sở tại Montreal, Quebec, Canada (nơi ICAO ngẫu nhiên cũng đóng trụ sở, dù đây là cơ quan khác hẳn).

IATA được thành lập tháng 4 năm 1945, ở La Habana, Cuba. Đây là tổ chức kế nhiệm của Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế (tên tiếng Anh: International Air Traffic Association) được thành lập ở Den Haag năm 1919, năm có dịch vụ theo lịch trình quốc tế đầu tiên. Vào thời điểm thành lập, IATA có 57 thành viên từ 31 quốc gia, phần lớn ở châu Âu và Bắc Mỹ. Ngày nay, hiệp hội này có 270 thành viên từ 140 quốc gia ở khắp nơi trên thế giới.

SOTRANS là thành viên IATA năm 2004.

► MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



► CÁC CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP CỦA SOTRANS

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng SOTRANS (SII)	Vốn điều lệ 901 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình công ích; phá dỡ; san lấp mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động xây dựng công trình chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng...	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

CÁC CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP CỦA SOTRANS

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
2	Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Vốn điều lệ hơn 209 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 93,17% vốn điều lệ	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
3	Công ty TNHH Một Thành Viên Sotrans Logistics	Vốn điều lệ 91,3 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ	Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan; trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa.	1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
4	Công ty CP Cảng Miền Nam	Vốn điều lệ 20 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ.	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới cảng thông quan nội địa, vận tải.	9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức.
5	Tổng Công ty CP Đường sông Miền Nam	Vốn điều lệ 671 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 93,34% vốn điều lệ.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn.	298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (ECCO)	SOTRANS nắm giữ 80,41% vốn điều lệ.	Xây dựng các công trình dân dụng	202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
7	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cán Thơ	SOTRANS nắm giữ 65,34% vốn điều lệ.	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi	77B Trần Phú, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	SOTRANS nắm giữ 47,60% vốn điều lệ.	Xây dựng các công trình dân dụng	59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

▶ CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của The Pier	Kinh doanh Bất Động Sản	Phòng 1606, Lầu 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
2	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của SORECO	Kinh doanh Bất Động Sản	Tầng 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
3	Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (VICT)	Công ty nắm giữ 37% quyền biểu quyết gián tiếp tại VICT	Kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container	Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
4	Công ty CP DV Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (SOWATCOSER)	Công ty nắm giữ 26.27% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCOSER	Cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, TP.HCM
5	Công ty CP Xây dựng Công trình và Thương mại 747 (SOWATCO-ECO 747)	Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO-ECO 747	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.	161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
6	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty nắm giữ 20.25% quyền biểu quyết gián tiếp tại Cảng Đồng Nai	Cung cấp các dịch vụ cảng, vận tải	1B Đường D3, Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

▶ CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG:

- ▶ 2021-2024: tăng trưởng 250%.



MỤC TIÊU THƯƠNG HIỆU:

- ▶ Thương hiệu SOTRANS là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.



MỤC TIÊU TỔ CHỨC, CƠ CẤU:

- ▶ Xây dựng tổ chức và hoạt động bền vững với cơ cấu tổ chức phù hợp, đội ngũ nhân sự kế thừa, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, bền vững và thân thiện với môi trường.

- ▶ Thực hiện tái cơ cấu tài sản nhằm mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản, đồng thời tập trung đầu tư vào các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, phù hợp với chiến lược lâu dài của Công ty.



MỤC TIÊU XÃ HỘI:

- ▶ Thực hiện đúng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- ▶ Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp.
- ▶ Đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- ▶ Chăm lo đời sống, sức khỏe của người lao động.
- ▶ Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.
- ▶ Không ngừng phát triển và mở rộng hệ thống, tạo nhiều việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.



MỤC TIÊU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN:

- ▶ Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng nhu cầu phát triển và tăng hiệu quả kinh doanh, bên cạnh các phần mềm quản lý doanh nghiệp, SOTRANS áp dụng phần mềm quản lý vận chuyển eTMS, eFMS GoSmartLog, CMS, Fast, iBOM,...
- ▶ Mục tiêu hoàn thiện hệ thống phần mềm ERP đưa vào ứng dụng để nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.



▶▶ CÁC RỦI RO



RỦI RO ĐẶC THÙ THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ LOGISTICS:

Thị trường dịch vụ logistics Việt Nam là thị trường đang tăng trưởng tuy nhiên vẫn tiềm ẩn những rủi ro, phát sinh những khoản chi phí rất lớn cho doanh nghiệp. Do nền kinh tế toàn cầu khó khăn, nhiều khách hàng, đối tác thiếu đơn hàng trong mùa cao điểm cuối năm.... Vì vậy, Công ty luôn chú ý theo dõi sát diễn biến thị trường vì tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp, khó lường.

Hoạt động logistics chuyên nghiệp đòi hỏi phải tích hợp được hàng loạt các dịch vụ vận tải giao nhận thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu thành một chuỗi liên tục để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển trọn gói từ nhà sản xuất - vận tải - người tiêu dùng. Cơ sở hạ tầng cho dịch vụ logistics chưa hoàn chỉnh cũng là một trở ngại cho hoạt động kinh doanh của các công ty trong lĩnh vực này.

SOTRANS sẽ phải phát triển trên diện rộng các hoạt động trong chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nguyên liệu cho sản xuất đến vận chuyển, lưu kho, tu chỉnh bao gói và phân phối đến các điểm bán lẻ cho người tiêu dùng để tăng khả năng kiểm soát cũng như phối hợp giữa các yếu tố đầu vào cùng kinh nghiệm và hoạt động thực tại của Công ty.



RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hoạt động kinh doanh của SOTRANS chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Lao động.... và các Nghị định, các Thông tư hướng dẫn liên quan. Khi các quy định pháp luật thay đổi cũng cần một khoảng thời gian nhất định để các doanh nghiệp tiếp cận và điều chỉnh.



RỦI RO VỀ NGUỒN NHÂN LỰC:

Nguồn nhân lực logistics đáp ứng cho ngành logistics đang thiếu hụt, không những thiếu về số lượng mà còn yếu về chất lượng. SOTRANS hiện cũng đang thiếu nhiều nhân sự để phát triển, thích ứng kịp thời với quy mô tăng trưởng của Công ty. Chính vì thế, Công ty thường xuyên tăng cường tự đào tạo nguồn nhân lực, kết hợp đưa nhân sự đi học nghề logistics, nghiệp vụ chuyên môn, phối kết hợp với các trường Đại học, Cao đẳng có đào tạo ngành nghề liên quan.... để đảm bảo nguồn nhân lực của Công ty.



RỦI RO KHÁC:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, dịch họa, đại dịch Covid-19 hay căng thẳng địa chính trị giữa các quốc gia trên thế giới có thể gây ra là những rủi ro bất khả kháng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, thời tiết.... lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu; tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của SOTRANS và của khách hàng...



PHẦN 2



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

6 tháng đầu năm 2022, tình hình kinh tế được đánh giá là tiếp tục phục hồi kể từ quý 4 năm 2021. Tuy vậy, 6 tháng cuối năm 2022, tình hình thị trường diễn biến xấu khi sản lượng liên tục giảm, tình hình kinh doanh rất khó khăn. Để đạt được kết quả này, công ty đã hết sức nỗ lực, chủ động ứng phó và liên tục đưa ra nhiều giải pháp, chính sách kinh doanh, con người... rất tích cực để vượt qua khó khăn.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (triệu đồng)	So sánh năm 2021 (%)	So sánh kế hoạch năm 2022 (%)
1	Doanh thu	2.639.255	91%	76%
2	Lợi nhuận trước thuế	306.086	101%	70%
3	Lợi nhuận sau thuế	253.562	103%	70%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán)

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách và những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (CP) có quyền biểu quyết	Thời gian bổ nhiệm/từ nhiệm
1	Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 11/12/1969 - Nơi sinh: Thanh Hóa - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: <ul style="list-style-type: none"> • Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam • Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics (đến ngày 30/10/2022) • Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex • Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Miền Nam • Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1 	85.776 CP, chiếm 0,087% vốn điều lệ	Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2020

2	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 13/04/1986 - Nơi sinh: Tiền Giang - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không 	0%	Bổ nhiệm từ ngày 25/08/2020
---	-------------------------------	--	--	----	-----------------------------

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách người lao động:

- Người lao động: Tổng số người lao động trong hệ thống SOTRANS tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 1.115 người (thời điểm ngày 31/12/2021 là 1.147 người).
- Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, SOTRANS luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

Thống kê theo trình độ:

- Theo số liệu báo cáo đến 31/12/2022, SOTRANS có 469 CBNV đạt trình độ từ Đại học trở lên, chiếm 42,1% so với toàn hệ thống. Trong đó, 2,7% đạt trình độ trên Đại học.

Điều kiện làm việc

SOTRANS cam kết đem đến cho bạn một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và đầy thách thức.

- Với bề dày hơn 47 năm kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh, SOTRANS đã chuẩn hóa các quy tắc, quy định về quy trình làm việc để các bộ phận phối hợp rõ ràng, nhịp nhàng. Thường xuyên cập nhật, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho nhân viên về toàn bộ quy định, quy trình Công ty.
- Mỗi cá nhân khi làm việc tại SOTRANS được xác định rõ phạm vi, khối lượng công việc rõ ràng; được Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát huy tối đa năng lực bản thân và ghi nhận công sức đóng góp xứng đáng.
- Các trang thiết bị cá nhân và trang thiết bị phòng ban luôn luôn trong tình trạng hoàn hảo để phục vụ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh.



- Môi trường làm việc tại SOTRANS đòi hỏi sự năng động và đầy thách thức. Bạn sẽ có cơ hội làm việc với những hạt nhân xuất sắc của SOTRANS, những người giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp luôn phấn đấu vì mục tiêu chung.
 - Chúng tôi cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất giúp bạn đạt được mục tiêu nghề nghiệp của chính mình. Mạng liên kết toàn cầu của SOTRANS là cơ hội tốt cho bạn trải nghiệm và tiếp cận các phương pháp quản lý và xây dựng chiến lược của các tập đoàn đa quốc gia giúp bạn có thể thỏa sức sáng tạo, đưa những kiến thức và kinh nghiệm vào thực tế nhằm góp phần xây dựng và phát triển Công ty.
 - Với mỗi cá nhân tinh thần và khả năng làm việc đội nhóm sẽ góp phần quan trọng trong hiệu quả công việc và thành công của bạn sau này. Hãy hòa cùng tập thể SOTRANS và cùng chúng tôi bước tiếp những bước dài trong lịch sử hình thành và phát triển của SOTRANS.
- Chế độ làm việc:**
- Thời gian làm việc bình thường không quá 8 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Tuy nhiên, tùy đặc thù công việc và điều kiện sản xuất kinh doanh của từng nơi, từng thời điểm, người có trách nhiệm cao nhất của doanh nghiệp có quyền quy định biểu giờ làm việc riêng của từng đơn vị phù hợp quy định của công ty và của pháp luật.
 - Người lao động được nghỉ các ngày lễ, Tết theo quy định hiện hành. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ luật lao động.
 - Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, người lao động sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
 - Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTN-BNN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc, được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Công ty xây dựng mức lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.
- Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.
- Đối với khâu kinh doanh then chốt thực hiện khoản doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.
- Hằng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát và thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt, team building, trao đổi kinh nghiệm giữa các CBCNV trong Công ty.



Tiệc Tất Niên Cán Bộ Hưu Trí Công Ty CP Kho Vận Miền Nam (năm 2022).

- Công ty luôn luôn quan tâm đến sức khỏe của đội ngũ CBCNV, CBCNV được tạo điều kiện thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
- Duy trì các hình thức họp mặt truyền thống trong các dịp Tết cổ truyền, kỷ niệm: ngày Thương binh, ngày Phụ nữ, ngày thành lập quân đội, tổ chức hội thi, vui chơi, tuyên dương, tặng quà, trao học bổng cho các cháu học giỏi là con của người lao động đang làm việc tại Công ty....
- Tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao... cho người lao động, mua sắm trang phục, dụng cụ thể thao, tổ chức luyện tập, giao lưu, thi đấu...
- Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên khi CBCNV ốm đau, khó khăn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2022, SOTRANS GROUP tiếp tục đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty con, một số khoản đầu tư lớn như:

- + Tiếp tục đầu tư đóng mới 2 tàu chở container 300 Teus.
- + Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng cảng Long Bình.
- + Đầu tư phần mềm vận hành cảng cho cảng Long Bình.
- + Tiếp tục đầu tư trang thiết bị đồng bộ cho hoạt động cảng Long Bình.
- + Đầu tư phần mềm quản lý dự án cho Vietranstimex.
- + Đầu tư sà lan 86m phục vụ cho các dự án lắp cầu thép.



4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính năm 2022

Chỉ tiêu	2022 (Triệu đồng)	2021 (Triệu đồng)	Biến động (%)
Tổng giá trị tài sản	2.784.035	2.684.191	4%
Doanh thu thuần	2.639.255	2.886.512	-9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	293.755	297.238	-1%
Lợi nhuận khác	12.331	5.116	141%
Lợi nhuận trước thuế	306.086	302.354	1%
Lợi nhuận sau thuế	253.562	246.647	3%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	2.05	1.75
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1.82	1.56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.24	0.30
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.31	0.42
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	20	29
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0.97	1.15
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10%	9%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12%	13%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	9%	10%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11%	10%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Trung tâm tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại thời điểm ngày 30/12/2022, thông tin cổ phần của SOTRANS như sau:

Vốn điều lệ: 982.533.570.000 đồng

Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 98.253.357 cổ phiếu

Khối lượng cổ phiếu lưu hành: 98.253.357 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 đồng

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO NHÓM CỔ ĐÔNG	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%	0
2	Cổ đông lớn	95,054,807	96.74%	2
	- Trong nước	95,054,807	96.74%	2
	- Nước ngoài	0	0%	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0%	0
4	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0%	0
5	Cổ đông khác	3,198,550	3.26%	598
	- Trong nước	3,134,386	3.19%	577
	- Nước ngoài	64,164	0.07%	21
TỔNG CỘNG		98,253,357	100.00%	600
Trong đó: - Trong nước		98,189,193	99.93%	579
- Nước ngoài			0.07%	21

b. Thay đổi vốn chủ sở hữu: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

MÔI TRƯỜNG

SOTRANS đặt mục tiêu tối ưu hóa quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước trong toàn bộ hệ thống SOTRANS, luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm hướng tới việc tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.

Với vị thế là chủ đầu tư các dự án xây dựng, đầu tư trang thiết bị, ... để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn các nhà thầu xây dựng và cung cấp trang thiết bị,... có các giải pháp tốt nhất về bảo vệ môi trường. Thiết bị trang bị cho dự án của Công ty đảm bảo tiết kiệm điện năng. Công ty ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu thay thế ít sử dụng năng lượng nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Công ty luôn đề ra và quản lý định mức tiêu hao hàng tháng đảm bảo việc tiêu hao năng lượng và nước không vượt quá định mức tiêu hao đã đề ra. Bên cạnh đó, khi lập báo cáo kỹ thuật tiền khả thi các dự án đầu tư, SOTRANS đều thuê những đơn vị tư vấn thực hiện những đánh giá tác động đến môi trường tại địa bàn thực hiện dự án. Đồng thời, đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường, hệ sinh thái ở mức thấp nhất.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số người lao động trong hệ thống SOTRANS tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 1.115 người. Tất cả lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, SOTRANS luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hàng năm Công ty đều tham gia các chương trình từ thiện, tham gia các hoạt động xã hội như tài trợ cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hiến máu nhân đạo, ... Trong năm 2022, Công ty thăm hỏi và tài trợ trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho Trung tâm bảo trợ xã hội Bình Thuận, tặng xe đạp, tập sách đến trường cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn ở Cần Thơ...

NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Toàn bộ các công ty trong hệ thống SOTRANS thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp các khoản thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), và các khoản phải nộp ngân sách khác theo đúng quy định.



PHẦN 3



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2022

Năm 2022, Sotrans ghi nhận doanh thu 2.639 tỉ đồng, đạt lần lượt 91% và 76% so với năm 2021 và kế hoạch năm 2022. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp đạt lần lượt là 93% và 73% so với năm 2021 và kế hoạch năm 2022. Mặc dù doanh thu thấp hơn năm trước nhưng lợi nhuận gộp cao hơn do Ban Giám đốc đã sắp xếp lại các hoạt động trong nội bộ để tối ưu hóa chi phí hoạt động. Theo đó, lợi nhuận hoạt động chính đạt 99% so với năm 2021. Bên cạnh đó, do tình hình kinh tế chưa thuận lợi, kế hoạch mua bán sáp nhập (M&A) trong năm 2022 chưa được thực hiện như phê duyệt dẫn tới các chỉ tiêu kinh doanh chưa đạt như kỳ vọng.

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	% so sánh Thực hiện 2021	% so sánh Kế hoạch 2022
Doanh thu	2.886.512	2.639.255	3.488.365	91%	76%
Lợi nhuận gộp	487.751	451.945	622.089	93%	73%
Lợi nhuận hoạt động chính	297.238	293.755	410.315	99%	72%
Lợi nhuận trước thuế	302.354	306.086	435.269	101%	70%
Lợi nhuận sau thuế	246.647	253.562	359.687	103%	70%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán)

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2022	31/12/2021	Biến động	Tỷ lệ biến động (%)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	994.212	996.622	-2.410	-0,2%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	347.435	276.312	71.123	26%
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	74.669	75.420	-752	-1%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	440.783	509.696	-68.912	-14%
- Hàng tồn kho	113.945	107.957	5.988	6%
- Tài sản ngắn hạn khác	17.380	27.238	-9.858	-36%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	1.789.823	1.687.569	102.254	6%
- Các khoản phải thu dài hạn	4.328	3.839	489	13%
- Tài sản cố định	906.342	822.622	83.720	10%

- Tài sản dở dang dài hạn	246.590	187.699	58.891	31%
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	529.890	548.145	-18.255	-3%
- Tài sản dài hạn khác	68.735	81.076	-12.341	-15%
- Lợi thế thương mại	33.938	44.188	-10.251	-23%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.784.035	2.684.191	99.844	4%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán)

b. Tình hình nợ phải trả

Đvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2022	31/12/2021	Biến động	Tỷ lệ biến động (%)
A - NỢ PHẢI TRẢ	660.321	799.161	-138.840	-17%
- Nợ ngắn hạn	484.587	570.655	-86.068	-15%
- Nợ dài hạn	175.734	228.506	-52.772	-23%
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.123.714	1.885.030	238.684	13%
- Vốn chủ sở hữu	2.123.714	1.885.030	238.684	13%
TỔNG NGUỒN VỐN	2.784.035	2.684.191	99.844	4%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán)

Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty tăng 4% so với đầu năm tương đương gần 100 tỷ đồng. Năm 2022, kế thừa việc định hướng tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, Sotrans tiếp tục đầu tư vào tài sản dài hạn để gia tăng giá trị hoạt động kinh doanh của nhóm công ty, nâng tổng tài sản của nhóm công ty lên **2.784 tỷ đồng**. Bên cạnh đó, nhóm công ty cũng thắt chặt tín dụng, hạn chế rủi ro thanh khoản làm cho khoản mục tiền và tương đương tiền tăng **26%**, khoản mục phải thu khách hàng giảm **14%** so với năm trước.

Nhóm công ty cũng tuân thủ chặt chẽ kế hoạch thanh toán cho nhà cung cấp, các khoản vay của các tổ chức tín dụng cùng với chính sách thắt chặt tín dụng làm cho Khả năng thanh toán ngắn hạn của nhóm công ty tăng lên mức 2.05 lần so với mức 1,7 lần của năm 2021. Đòn bẩy tài chính được Nhóm công ty điều chỉnh về mức an toàn theo chính sách chung của Sotrans. Theo đó, hệ số nợ trên Tổng tài sản được điều chỉnh về mức 0,24 lần từ mức 0,3 lần của năm 2021 và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu ở mức 0,31 lần từ mức 0,42 lần trong năm 2021.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công ty tái cấu trúc các mảng kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa và tập trung vào dịch vụ cốt lõi. Sotrans Logistics phát triển mạnh mẽ giao nhận vận chuyển quốc tế và nội địa bên cạnh đó tập trung phát triển mảng kho và tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới trong các khu vực có tiềm năng như Bà Rịa Vũng Tàu, Long An... Vietranstimex tập trung vào mảng vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng với trọng tâm là vận chuyển và lắp đặt điện gió. Sotawco tập trung phát triển mảng khai thác cảng và vận chuyển đường thủy.

- Công ty tập trung đầu tư vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi và hiện đại hóa hoạt động kinh doanh:

- + Đưa vào hoạt động 01 cầu cảng mới tại Cảng Sowatco Long Bình với khả năng tiếp nhận tàu trọng tải lên đến 5.000 tấn. Dự án Cầu cảng số 1 hoàn thành góp phần nâng cao hình ảnh cảng Sowatco Long Bình, ICD hiện đại nhất khu vực TP. HCM, nâng cao vị thế, sức cạnh tranh cho Sowatco và giảm áp lực quá tải cho hệ thống hạ tầng hiện hữu.
- + Sau khi đầu tư đóng mới 2 tàu vận chuyển với tải trọng 300 teu là Sowatco Master và Pioneer có chân vịt mũi, Sowatco tiếp tục đầu tư tiếp 2 tàu vận chuyển mới có cùng khả năng vận chuyển và công nghệ. Đây là niềm tự hào to lớn và đánh dấu sự thành công của Sowatco về mặt công nghệ khi tính đến thời điểm hiện tại, Sowatco sở hữu những con tàu hiện đại bậc nhất và lớn nhất thị trường vận tải thủy nội địa Việt Nam.
- + Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống trang thiết bị, cần cẩu tại Cảng Sowatco Long Bình.
- + Đầu tư sà lan 86m tại Vietranstimex để tập trung phát triển mảng lắp đặt cầu thép.
- + Phát triển hệ thống phần mềm quản lý Cảng, hoạt động logistics, kế toán...
- Từng bước xây dựng hệ thống báo cáo quản trị để đánh giá hiệu quả hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự.
- Quản lý chặt chẽ hoạt động tài chính - kế toán để tăng hiệu quả đồng vốn, giảm chi phí và tránh chiếm dụng vốn trong khâu bán hàng.
- Thực hiện tốt chính sách đối với khách hàng: chọn lọc những khách hàng có uy tín và năng lực làm đối tác, thực hiện chính sách giao dịch với khách hàng một cách có chọn lọc và thắt chặt các điều khoản thanh toán để duy trì hoạt động kinh doanh được ổn định, hạn chế thấp nhất rủi ro về tài chính. Đồng thời cải tiến các phương thức giao dịch theo hướng tạo thuận lợi cho khách hàng.
- Tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế, nội quy, kỷ luật lao động, thời gian làm việc... của các phòng ban và của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2023

Để đạt được kết quả kinh doanh theo kế hoạch năm 2023, Công ty tiếp tục phát triển theo 5 trụ cột chính:

a. Chuyển đổi mô hình kinh doanh:

- Tập trung chuyên môn hóa các lĩnh vực kinh doanh của từng Công ty thành viên nhằm phát huy tối đa năng lực và hiệu quả hoạt động.
- Sotrans Logistics tập trung phát triển mảng giao nhận vận chuyển quốc tế, nội địa và mở rộng hoạt động kinh doanh kho bãi.
- Vietranstimex tiếp tục tập trung phát triển mảng vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng đáp ứng cho các ngành công nghiệp quan trọng như: điện lực, dầu khí, hóa dầu, xi măng, giao thông... không chỉ phục vụ cho thị trường trong nước mà còn vươn ra thị trường khu vực Đông Nam Á bằng cách hợp tác với các đối tác lớn nhất ở từng thị trường.
- Sowatco tập trung phát triển khai thác cảng và vận chuyển đường thủy tại Việt Nam, tìm kiếm cơ hội để mở rộng hoạt động kinh doanh ở khu vực miền Bắc.

b. Chuyển đổi nhân sự và tổ chức:

- Tập trung tái cấu trúc nhân sự và tổ chức đáp ứng cho việc chuyển đổi mô hình kinh doanh và nhu cầu phát triển trong tương lai.

c. Tái cấu trúc và tối ưu hóa tài sản:

- Xây dựng phương án khai thác tối ưu tài sản.
- Chuyển đổi cơ cấu sở hữu và sử dụng tài sản hợp lý. Hoán chuyển tài sản giữa các đơn vị thành viên theo chức năng hoạt động.
- Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng hiện đại phục vụ hoạt động khai thác và phát triển kinh doanh.

d. Vận hành hiệu quả:

- Tối ưu hóa vận hành bằng hệ thống quy trình, qui định chặt chẽ. Bên cạnh đó đẩy mạnh hệ thống quản lý và đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành hoạt động logistics.
- Ứng dụng hệ thống phần mềm trong quản lý kinh doanh từng mảng dịch vụ cụ thể, tối ưu hóa việc theo dõi và quản lý liên tục.

e. Tích hợp kinh doanh:

- Liên kết các đơn vị trong hệ thống, hình thành chuỗi dịch vụ logistics đáp ứng nhu cầu phát triển của khách hàng.
- Quản lý dịch vụ khách hàng thông qua quá trình theo dõi và vận chuyển xuyên suốt.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cuối tháng 11 năm 2022, Sowatco - là công ty thành viên của Sotrans - vinh dự được Viện tiêu chuẩn Anh (British Standards Institute - BSI), cấp chứng nhận Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 ở các lĩnh vực: (1) Quản lý khai thác, vận hành cảng, kho bãi và bảo quản hàng hóa; (2) khai thác dịch vụ Logistics và vận tải hàng hóa bằng đường thủy. Chứng nhận ISO này là một cột mốc đáng ghi nhận cho nỗ lực của tập thể Sowatco cũng như Sotrans trong việc đưa ra định hướng mong muốn và cam kết liên quan đến công tác quản lý môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực để góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ nhân viên với sự phát triển chung của cộng đồng.

Xây dựng môi trường làm việc tốt để người lao động phát huy năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho Công ty đồng thời thu hút nhân tài.



PHẦN 4



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

a. Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Mặc dù năm 2022 là một năm biến động và chịu ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của nền kinh tế nhưng SOTRANS đã luôn nỗ lực hết sức để vượt qua những thách thức, ổn định hoạt động kinh doanh, cải thiện các chỉ số tài chính và đổi mới trong quản trị hệ thống.

Trong năm 2022, mọi hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ, các quy chế hoạt động của Công ty.

Tháng 6/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh cho Công ty với tổng doanh thu mục tiêu là 3.488,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế ước đạt 359,6 tỷ đồng. Với nhiệm vụ này, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Công ty khắc phục những điều kiện bất lợi, nỗ lực triển khai các giải pháp kinh doanh đồng bộ, kịp thời ứng phó các tình huống kinh doanh khó khăn từ dịch bệnh, thị trường để hoàn thành mục tiêu được giao.

Một số chỉ tiêu chính thể hiện trong bảng dưới đây:

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)	So sánh thực hiện 2022/ kế hoạch năm 2022 (%)
1	Doanh thu	2.639.255	3.488.365	76%
2	Lợi nhuận trước thuế	306.086	435.269	70%
3	Lợi nhuận sau thuế	253.562	359.687	70%

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán)

b. Về tổ chức nhân sự và chế độ chính sách tiền lương:

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động, bổ nhiệm các vị trí quản lý của Công ty, các phòng ban.
- Công ty luôn chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên, đảm bảo công ăn việc làm đều đặn cho cán bộ công nhân viên chức. Chính sách lương thưởng đều được thực hiện đầy đủ theo quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị ban hành.

c. Về công tác đoàn thể và xã hội:

- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích các hoạt động của Công đoàn trong Công ty trong các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao quần chúng...

d. Về quan hệ Cổ đông và Nhà đầu tư:

- Công ty thực hiện việc công bố thông tin của Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật.
- Các thông tin được cung cấp đầy đủ kịp thời đúng quy định.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định pháp luật hiện hành, trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã luôn song hành cùng Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, bám sát thị trường, nắm bắt tình hình diễn biến khó lường của thị trường ngành logistics và kinh tế trong nước, thế giới để đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Hội đồng quản trị đánh giá rất cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua việc Hội đồng Quản trị chất vấn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.
- HĐQT luôn giám sát công việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc về hoạt động SXKD của Công ty cũng như giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của HĐQT đã được thông qua, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hiện nay, Tổng Giám đốc đồng thời là Thành viên HĐQT, do vậy, Tổng Giám đốc luôn kịp thời ghi nhận các nội dung định hướng, chỉ đạo của HĐQT và tổ chức triển khai có kết quả trên toàn hệ thống Công ty. Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua việc chỉ đạo và triển khai hiệu quả các quyết định của Hội đồng Quản trị. Công tác quản trị điều hành theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Để đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận, Hội đồng quản trị định hướng một số giải pháp chính như sau:

- Thực hiện đúng vai trò Holdings, là đầu mối tập trung sức mạnh trong quản trị cũng như hỗ trợ toàn diện các đơn vị trong hệ thống như hỗ trợ về tài chính, pháp lý, quản lý dự án, IT... tạo điều kiện tốt nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.
- Tiếp tục tăng cường giám sát, song hành cùng Ban Tổng Giám đốc để thực hiện thành công các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chú trọng thúc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Công ty có tham gia đầu tư.
- Triển khai chương trình chuyển đổi, phát triển đội ngũ trong toàn tập đoàn, triển khai chuyên nghiệp công tác đào tạo nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty. Hỗ trợ tích cực các hoạt động của đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của SOTRANS tại các công ty thành viên.
- Tăng cường công tác kiểm toán nội bộ các công ty thành viên.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác. Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

PHẦN 5



QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Trần Tuấn Anh (bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 12/04/2019)	Chủ tịch HĐQT	0	0%	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN. Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam. Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1.
2	Ông Nguyễn Quốc Thúc (bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT từ 30/06/2020)	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	<ul style="list-style-type: none"> Phó Tổng Giám đốc Nguồn nhân lực Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN.
3	Ông Đặng Doãn Kiên (Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ 23/04/2018, Từ nhiệm Thành viên HĐQT từ 12/05/2022)	Thành viên HĐQT	0	0%	<ul style="list-style-type: none"> Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển IN DO TRẦN. Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex. Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam. Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH North Star Logistics. Tổng Giám đốc Công ty TNHH ITL Global. Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1. Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai.
4	Ông Đỗ Lê Hùng (bổ nhiệm từ 27/09/2019)	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Dược Hậu Giang Thành viên Viện Thành viên HĐQT (VIOD) Thành viên HĐQT Công ty CP GTNFOODS Phó Trưởng Tiểu ban kiểm toán và tuân thủ - trực thuộc HĐQT của Công ty CP Tập đoàn Ecopark

5	Ông Đặng Vũ Thành (bổ nhiệm từ 30/06/2020)	Thành viên HĐQT	85.776	0,0873%	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Đường Sông Miền Nam Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics (đến ngày 30/10/2022) Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Miền Nam Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1
6	Ông Lee Kian Huat (Peter)	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	<ul style="list-style-type: none"> Cố vấn pháp lý Symphony Asia Holdings Pte Ltd

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam gồm các thành viên như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Vị trí	Ngày bắt đầu/ Kết thúc
1	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch UBKT	Bắt đầu từ 27/09/2019
2	Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên	Bắt đầu từ 30/06/2020
3	Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên HĐQT	Thành viên	Bắt đầu từ 27/09/2019 Từ nhiệm từ 12/05/2022

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị tổ chức họp 12 phiên họp gồm các phiên thường kỳ và lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều được ghi biên bản đầy đủ và được HĐQT thông qua, được lưu giữ tại trụ sở công ty. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ.
- Các phiên họp của Hội đồng Quản trị đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- Hội đồng Quản trị đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám đốc và nghe Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty.
- Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát Ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng Quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp các cuộc họp của HĐQT và biểu quyết, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham gia họp
1	Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	12/12	100%	
2	Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó Chủ tịch	12/12	100%	
3	Ông Đặng Doãn Kiên	Phó Chủ tịch	3/12	100%	Miễn nhiệm từ ngày 12/05/2022
4	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	12/12	100%	
5	Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	12/12	100%	
6	Ông Lee Kian Huat (Peter)	Thành viên	7/12	58%	Bổ nhiệm từ ngày 12/05/2022, vắng mặt do bận công tác

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2022:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/STG/NQ-HĐQT	18/03/2022	Gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 và Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
2	02/STG/NQ-HĐQT	21/03/2022	Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
3	02'/STG/NQ-HĐQT	20/04/2022	Thông qua chương trình và nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2022
4	03/STG/NQ-HĐQT	12/05/2022	Bầu Chủ tịch HĐQT, Thay đổi thành viên UBKT, Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
5	04/STG/NQ-HĐQT	12/05/2022	Phân phối mức thưởng cho Hội đồng quản trị năm 2021
6	05/STG/NQ-HĐQT	20/06/2022	Chủ trương cho Công ty CP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex đầu tư xà lan 86 mét
7	06/STG/NQ-HĐQT	05/07/2022	Chấp thuận chủ trương cho Công ty CP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex bán đấu giá tòa nhà 80-82 Bạch Đằng, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
8	07/STG/NQ-HĐQT	06/07/2022	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022
9	09/STG/NQ-HĐQT	13/07/2022	Thông qua hợp đồng khoản vay giữa Công ty với Công ty CP Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex
10	10/STG/NQ-HĐQT	14/07/2022	Chấp thuận chủ trương cho VTX đầu tư kho bãi Vũng Thùng
11	11/STG/QĐ-HĐQT	24/08/2022	Tái bổ nhiệm cán bộ
12	12/STG/NQ-HĐQT	04/10/2022	Chấp thuận chủ trương chuyển chức năng kinh doanh xăng dầu
13	13/STG/NQ-HĐQT	28/12/2022	Trích tiền lương vào giá thành SXKD năm 2022

d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Ông Đỗ Lê Hùng được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 27/9/2019 và bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán từ ngày 05/11/2019.
- Ông Lee Kian Huat được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 12/05/2022.

e. Đào tạo về quản trị Công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán tổ chức nhằm nâng cao tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành.

2. Ủy ban kiểm toán:

a. Thông tin về thành viên Ủy ban kiểm toán:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty (%)
1	Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng Tiểu ban kiểm toán	Ngày bắt đầu là Chủ tịch UBKT: 05/11/2019	Thạc sỹ kinh tế, tài chính	0%
2	Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên Tiểu ban kiểm toán	Ngày bắt đầu là Thành viên UBKT: 30/06/2020	Thạc sỹ chế tạo máy	0%
3	Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên Tiểu ban kiểm toán	Ngày bắt đầu là Thành viên UBKT: 05/11/2019 Ngày không còn là Thành viên UBKT: 12/05/2022	Thạc sỹ tài chính	0%

b. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán:

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành (Luật doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155 hướng dẫn Luật Chứng khoán, Thông tư 116 Hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155), HĐQT đã phê duyệt cập nhật mới Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán phù hợp với Điều lệ của Công ty.

• Các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và tham gia của các thành viên

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đỗ Lê Hùng	4/4	100%	
2	Ông Đặng Doãn Kiên	2/4	100%	Ngày không còn là Thành viên UBKT: 12/05/2022
3	Ông Nguyễn Quốc Thúc	4/4	100%	

• Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành

Ủy ban Kiểm toán thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của BĐH thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGD.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ủy ban Kiểm toán luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên BĐH và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác từ phía BĐH.

Một số nội dung chính và kết quả nổi bật đã được UBKT thảo luận/thông qua như sau:

- + Chương trình hoạt động của Ban KTNB trong năm 2022;
- + Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch KTNB định kỳ;
- + Các khó khăn, vướng mắc của Ban KTNB trong quá trình thực hiện công việc và tham gia trợ giúp từ phía UBKT;
- + Báo cáo KTNB theo chuyên đề và Báo cáo KTNV năm 2022;
- + Kế hoạch hoạt động của Ban KTNB năm 2023.

• Kết quả giám sát của Ủy ban kiểm toán như sau:

iii. Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT:

Tất cả các vấn đề quan trọng đều được thảo luận công khai, dân chủ trong HĐQT vì thế các vấn đề được đánh giá, thảo luận thấu đáo, cẩn trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra nghị quyết.

Ban điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

iv. Báo cáo tài chính và hệ thống kế toán:

Ủy ban Kiểm toán đã xem xét và thông qua BCTC năm 2022 đã được kiểm toán.

BCTC 2022 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Trong niên độ kế toán 2022, công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán và nguyên tắc xác định các ước tính kế toán, không có điều chỉnh trọng yếu hay vấn đề đáng kể nào được ghi nhận.

Giao dịch với các bên liên quan được theo dõi, báo cáo và kiểm soát theo quy định; không phát hiện bất thường đối với các giao dịch bên liên quan.

Không phát hiện gian lận, sai sót trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực của BCTC.

Ủy ban Kiểm toán ghi nhận các phát hiện và khuyến nghị của Kiểm toán độc lập trong Thư quản lý 2022 cũng như kế hoạch thực hiện khuyến nghị của Ban điều hành.

v. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

Trong quá trình tái cấu trúc cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu cổ đông, Công ty đã triển khai nhiều kế hoạch đồng bộ nhằm tái cấu trúc và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nền tảng quản lý kiểm soát và quản trị công ty hiện đang đang trong quá trình hợp lý hóa, tối ưu hóa và cải thiện rõ rệt. Trong đó có thể kể đến việc công ty đã xây dựng và tiếp tục triển khai trên quy mô toàn công ty và các công ty thành viên chiến lược phát triển kinh doanh 2021-2024. Việc này là minh chứng cho khả năng và tính thực thi mô hình quản trị chiến lược hiện đại, là một trong những biện pháp kiểm soát rủi ro chiến lược công ty.

Bên cạnh đó, Công ty đã đồng thời triển khai các kế hoạch chuyển đổi về cơ cấu tổ chức, nhân sự và công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh 2021-2024.

Các kế hoạch chuyển đổi liên quan đến cấu trúc tài chính, hệ thống kế toán, cấu trúc tài sản đang từng bước được triển khai đồng bộ.

Ủy ban Kiểm toán đánh giá với các biện pháp và kế hoạch cụ thể, thích hợp sẽ giảm thiểu đáng kể rủi ro và tăng khả năng đạt được các mục tiêu chiến lược phát triển kinh doanh đã đề ra.

Công ty nên tăng cường và ưu tiên cho công tác quản lý rủi ro nói chung và rủi ro hoạt động sau tái cơ cấu nói riêng để đảm bảo các kế hoạch chuyển đổi được thực hiện như kỳ vọng.

Việc củng cố hệ thống KSNB và QLRR hoạt động đang được tiếp tục duy trì thông qua hệ thống hóa, cập nhật các quy trình hoạt động của Sotrans Holding và các công ty thành viên với sự hỗ trợ của Ban Kiểm toán nội bộ.

vi. Kiểm toán nội bộ:

Chức năng kiểm toán nội bộ đang hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào việc cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro. Cơ cấu nhân sự KTNB tuy có biến động nhưng nhận sự mới có đủ năng lực để nhanh chóng nắm bắt và thực hiện nhiệm vụ được giao.

KTNB ở Sotrans có vị thế và phương pháp hoạt động đang từng bước tiệm cận với những thông lệ tốt và chuẩn về KTNB, đồng thời phù hợp với các quy định của pháp luật và hướng dẫn về KTNB do Bộ Tài chính ban hành.

Năm 2022, HĐQT đã phê duyệt Quy chế KTNB trong đó thể hiện khá rõ những chính sách, định hướng và cơ chế hoạt động cho KTNB phù hợp với các yêu cầu của pháp luật và thông lệ chung. Đây là khuôn khổ đảm bảo cho hiệu quả và đóng góp thực chất của KTNB trong việc cải thiện các quy trình quản lý, nâng cao hiệu quả KSNB và QLRR trên toàn công ty.

Năm 2022, KTNB đã hoàn thành kế hoạch kiểm toán được UBKT và Tổng giám đốc phê duyệt theo thời hạn và nguồn lực dự kiến.

Các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ được các đơn vị và công ty thành viên tiếp thu, triển khai nghiêm túc, kịp thời thông qua các kế hoạch thực hiện cụ thể, được kiểm toán nội bộ theo dõi.

vii. Kiểm toán độc lập:

Ernest & Young đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết với Sotrans, đáp ứng kỳ vọng của Ủy ban Kiểm toán trên các tiêu chí: Đảm bảo độ tin cậy, trung thực và chất lượng của báo cáo kiểm toán BCTC; Tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định; Tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán; Đóng góp, khuyến nghị của Kiểm toán độc lập trong cải thiện hệ thống KSNB.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ủy ban kiểm toán:

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty có 05 thành viên HĐQT.

Lương, thưởng, thù lao cho các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Trần Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	155.000.000
2	Nguyễn Quốc Thúc	Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán	120.000.000	105.000.000
3	Đỗ Lê Hùng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	504.000.000	479.000.000
4	Đặng Vũ Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.113.940.000	1.324.800.800
5	Đặng Doãn Kiên	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán (miễn nhiệm ngày 12/5/2022)	47.333.334	105.000.000
6	Lee Kian Huat	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 12/5/2022)	75.000.000	0

Tổng lương, thưởng, thù lao đã chi cho các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc trong năm 2022 là **3.040.273.334** đồng (2021: 2.168.800.800 đồng).

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022, ngoài thù lao chi hàng tháng cho HĐQT, mức thưởng hoàn thành kế hoạch năm 2022 cho HĐQT là 1% lợi nhuận sau thuế hợp nhất nếu lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt hoặc vượt kế hoạch năm đã được ĐHĐCĐ thông qua.

b. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người có liên quan: không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch trọng yếu với cổ đông nội bộ và người có liên quan:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch trong năm 2022
1	Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 ("VICT")	Công ty liên kết	Nhận cổ tức: 51.171.000.000 đ Cung cấp dịch vụ: 78.352.435.778 đ Bán hàng hóa: 28.395.620.163 đ Sử dụng dịch vụ: 813.299.348 đ
2	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Nhận cổ tức: 22.500.000.000 đ Cung cấp dịch vụ: 3.402.779 đ
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường Thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ: 239.777.365 đ
4	Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ: 1.805.801.017 đ Mua tài sản và công cụ, dụng cụ: 0 đ Sử dụng dịch vụ: 42.425.113.571 đ
5	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng Lãi vay: 780.984.660 đồng Trả gốc vay: 17.000.000.000 đồng
6	Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cung cấp dịch vụ: 361.191.348 đồng Cho thuê kho, văn phòng: 28.924.168.876 đồng Mua dịch vụ: 291.160.107 đồng Bán hàng hóa: 23.464.488.663 đồng Trả nợ vay: 33.466.047.101 đồng Vay: 0 đồng Lãi cho vay: 795.250.586 đồng
7	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty con	Bán hàng: 43.721.852.110 đồng Cho thuê cảng: 57.607.770.408 đồng
8	Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Lãi cho vay: 941.179.179 đồng Cho thuê kho, văn phòng: 1.179.881.976 đồng Cho vay: 58.000.000.000 đồng Thu khoản cho vay: 8.000.000.000 đồng Bán hàng: 9.555.955 đồng

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của Nhà nước.

PHẦN 6



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 15 vào ngày 3 tháng 7 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó chủ tịch	
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	
Ông Lee Kian Huat	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022
Ông Đặng Đoan Kiên	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên	
Ông Đặng Đoan Kiên	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


 Đặng Vũ Thành
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023



Ernst & Young Vietnam Limited
 20th Floor, Birexco Financial Tower
 2 Hai Trieu Street, District 1
 Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
 Fax: +84 28 3824 5250
 ey.com

Số tham chiếu: 61113814/22988918/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		994.211.815.808	996.622.095.792
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	347.435.288.802	276.311.801.371
111	1. Tiền		144.435.288.802	113.311.801.371
112	2. Các khoản tương đương tiền		203.000.000.000	163.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		74.668.503.551	75.420.173.822
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	683.872.558	683.872.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(115.087.177)	(72.756.858)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	74.099.718.170	74.809.058.122
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	440.783.484.430	509.695.853.081
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		331.556.039.041	414.211.593.167
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		57.959.381.663	37.647.691.476
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		112.446.706.832	115.119.761.149
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(61.178.643.106)	(57.283.192.711)
140	IV. Hàng tồn kho	8	113.944.944.752	107.956.613.509
141	1. Hàng tồn kho		114.087.983.942	113.591.493.262
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(143.039.190)	(5.634.879.753)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.379.594.273	27.237.654.009
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	6.479.460.908	12.013.127.565
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	10.338.737.760	12.030.833.575
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	561.395.605	3.193.692.869

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.789.823.116.974	1.687.568.709.029
210	I. Phải thu dài hạn		4.327.862.125	3.838.862.125
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	4.327.862.125	3.838.862.125
220	II. Tài sản cố định		906.341.918.013	822.621.828.649
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	776.795.298.597	689.279.618.767
222	Nguyên giá		1.794.358.793.191	1.637.122.420.586
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.017.563.494.594)	(947.842.801.819)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	69.640.721.003	74.831.333.747
225	Nguyên giá		77.859.191.181	77.859.191.181
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.218.470.178)	(3.027.857.434)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	59.905.898.413	58.510.876.135
228	Nguyên giá		101.977.018.947	99.821.863.947
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(42.071.120.534)	(41.310.987.812)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		246.590.164.858	187.698.725.646
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	246.590.164.858	187.698.725.646
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		529.890.217.511	548.144.962.450
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết	15.1	528.261.092.872	541.931.929.641
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	1.629.124.639	1.629.124.639
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	4.583.908.170
260	V. Tài sản dài hạn khác		102.672.954.467	125.264.330.159
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	52.757.567.676	67.020.660.893
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	15.977.624.435	14.055.338.510
269	3. Lợi thế thương mại	4	33.937.762.356	44.188.330.756
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.784.034.932.782	2.684.190.804.821

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		660.320.917.654	799.161.226.508
310	I. Nợ ngắn hạn		484.587.095.527	570.655.495.021
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	135.043.779.820	217.386.991.707
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	4.789.497.796	19.506.025.125
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	21.886.334.150	14.994.604.392
314	4. Phải trả người lao động	19	28.811.020.802	24.886.571.216
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	19.955.025.471	38.423.801.677
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	37.364.234.726	36.800.598.363
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	136.870.082.856	143.518.187.791
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	67.675.080.136	65.443.257.955
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	16.025.412.632	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.166.627.138	9.695.456.795
330	II. Nợ dài hạn		175.733.822.127	228.505.731.487
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	41.393.615.000	44.612.720.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	122.303.880.289	171.789.222.610
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	8.410.351.633	8.388.142.347
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	3.625.975.205	3.715.646.530
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.123.714.015.128	1.885.029.578.313
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.123.714.015.128	1.885.029.578.313
411	1. Vốn cổ phần	24.1	982.533.570.000	982.533.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		982.533.570.000	982.533.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	2.849.526.349	2.849.526.349
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	1.028.859.332.046	804.580.539.331
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		791.128.254.061	572.312.703.550
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		237.731.077.985	232.267.835.781
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	111.504.621.633	97.098.977.533
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.784.034.932.782	2.684.190.804.821

Lâm Chí Dũng
Người lập

Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Khánh-Trình
Giám đốc tài chính

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	2.639.254.563.108	2.886.511.605.507
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27, 30	(2.187.309.930.948)	(2.398.760.691.738)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		451.944.632.160	487.750.913.769
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	14.642.432.772	8.580.427.783
22	5. Chi phí tài chính	28	(23.079.699.581)	(18.663.983.386)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(17.403.277.637)	(15.272.204.717)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết	15.1	60.000.163.231	45.572.090.036
25	7. Chi phí bán hàng	29, 30	(80.071.531.567)	(91.827.968.500)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29, 30	(129.681.110.424)	(134.173.137.264)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		293.754.886.591	297.238.342.438
31	10. Thu nhập khác	31	16.703.362.385	7.732.327.779
32	11. Chi phí khác	31	(4.372.571.884)	(2.616.342.067)
40	12. Lợi nhuận khác		12.330.790.501	5.115.985.712
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		306.085.677.092	302.354.328.150
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(54.423.396.521)	(50.216.035.019)
52	15. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	32.3	1.900.076.639	(5.491.663.347)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		253.562.357.210	246.646.629.784
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		238.406.244.652	232.783.835.781
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	15.156.112.558	13.862.794.003
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.3	2.426	2.319
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.3	2.426	2.319

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		306.085.677.092	302.354.328.150
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm chi phí phân bổ lợi thế Thương mại)	4, 11, 12, 13	121.241.277.504	103.664.497.336
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		14.381.681.458	(94.918.870)
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.276.790.308	(339.866.604)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(83.412.810.902)	(58.894.183.485)
06	Chi phí lãi vay	28	17.403.277.637	15.272.204.717
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		376.975.893.097	361.962.061.244
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		68.191.498.851	(12.774.078.208)
10	Tăng hàng tồn kho		(496.490.680)	(54.203.532.687)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(122.186.626.241)	57.069.539.797
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		19.796.759.874	(32.146.715.561)
14	Tiền lãi vay đã trả		(20.447.556.438)	(12.359.165.015)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(47.603.886.961)	(46.108.077.158)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.144.334.181)	(1.876.111.444)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		271.085.257.321	259.563.920.968
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(261.921.972.695)	(268.054.559.458)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		22.214.357.803	6.058.993.149
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(10.628.695.198)	(4.182.170.255)
24	Tiền thu về từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		15.921.943.320	5.499.884.273
25	Tiền chi đầu tư vào công ty khác		-	(6.370.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		83.189.655.252	72.182.395.569
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(151.224.711.518)	(194.865.456.722)

Lâm Chí Dũng
Người lập

Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Khánh Trinh
Giám đốc tài chính

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	22	157.938.868.597	179.627.785.526
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(194.333.717.236)	(169.114.445.097)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	22	(12.619.640.000)	(39.641.351.181)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(793.185.176)	(10.220.728.576)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(49.807.673.815)	(39.348.739.328)
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		70.052.871.988	25.349.724.918
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		276.311.801.371	250.395.300.190
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.070.615.443	566.776.263
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	347.435.288.802	276.311.801.371



Lâm Chí Dũng
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng



Nguyễn Mai Khánh Trinh
Giám đốc tài chính



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), các công ty con và các công ty liên doanh và liên kết như sau:

Công ty

Công ty tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 15 vào ngày 3 tháng 7 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.161 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.178).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty bao gồm tám (8) công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp và sáu (6) công ty liên doanh, liên kết. Chi tiết trình bày như sau:

Công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00	100,00	100,00	100,00
(2) Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	93,17	93,17	93,17	93,17
(3) Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	100,00	100,00	100,00	100,00
(4) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng	99,99	99,99	100,00	100,00
(5) Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	93,34	93,34	93,34	93,34
(6) Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	Thành phố Hồ Chí Minh	Công trình dân dụng	80,41	86,15	80,41	86,15
(7) Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Dịch vụ đóng tàu và cầu kiện nổi	65,34	70,00	65,34	70,00
(8) Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Công trình dân dụng	47,60	51,00	47,60	51,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty liên doanh và liên kết

Tên công ty	Trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
(1) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier ("The Pier")	Thành phố Hồ Chí Minh	Bất động sản	50,00	50,00	50,00	50,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Soreco ("SORECO")	Thành phố Hồ Chí Minh	Bất động sản	50,00	50,00	50,00	50,00
(3) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	34,54	37,00	34,54	37,00
(4) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải	24,52	26,27	24,52	26,27
(5) Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747")	Tỉnh Nghệ An	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	45,74	49,00	45,74	49,00
(6) Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ("PDN")	Tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ cảng	18,90	20,25	18,90	20,25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm nguyên vật liệu, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị được xác định là:

- | | | |
|--------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp theo phương pháp bình quân gia quyền, chi phí thấu phụ được phân bổ theo thực tế đích danh. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm
Lợi thế quyền thuê đất	2 - 38 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong ba năm.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 1 năm 2008 và 1 tháng 7 năm 2008 và trả tiền hằng năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Nhóm Công ty. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua được trình bày như sau:

	VND		
	Sowatco	Vietranstimex	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	77.569.081.610	24.936.602.386	102.505.683.996
Phân bổ lũy kế			
Số đầu năm	(44.602.221.925)	(13.715.131.315)	(58.317.353.240)
Phân bổ trong năm	(7.756.908.161)	(2.493.660.239)	(10.250.568.400)
Số cuối năm	(52.359.130.086)	(16.208.791.554)	(68.567.921.640)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	32.966.859.685	11.221.471.071	44.188.330.756
Số cuối năm	25.209.951.524	8.727.810.832	33.937.762.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	7.807.013.669	2.056.518.860
Tiền gửi ngân hàng	136.600.442.053	111.255.282.511
Tiền đang chuyển	27.833.080	-
Các khoản tương đương tiền (*)	203.000.000.000	163.000.000.000
TỔNG CỘNG	347.435.288.802	276.311.801.371

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,4%/năm đến 6,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	12.785.381	(115.087.177)	127.872.558	(72.756.858)
Trong đó:					
Công ty Cổ phần Simco Sóng Đà	126.752.447	12.185.460	(114.566.987)	126.752.447	(72.600.447)
Chứng khoán khác	1.120.111	599.921	(520.190)	1.120.111	(156.411)
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	1.015.238.095	-	556.000.000	-
Trong đó:					
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	556.000.000	1.015.238.095	-	556.000.000	-
TỔNG CỘNG	683.872.558	1.028.023.476	(115.087.177)	683.872.558	(72.756.858)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,4%/năm đến 6,0%/năm. Trong đó, Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 22.2).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Phải thu khách hàng	293.990.619.073	391.754.465.254
Penavico & CL Hong Kong Co Ltd	15.436.857.394	13.997.293.200
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	15.417.487.945	13.095.431.200
Công ty TNHH Pactra Việt Nam	-	27.683.095.717
Pass Trans Inc.	-	20.208.703.758
Khách hàng khác	257.886.597.389	316.769.941.379
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	42.815.096.313	22.457.127.913
	<u>331.556.039.041</u>	<u>414.211.593.167</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Vinci Vina	10.811.553.787	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ CDV	8.906.817.492	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	8.773.817.614
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Focus ASC	8.298.496.746	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hữu Thành	-	3.656.743.800
Người bán khác	21.168.696.024	25.217.130.062
	<u>57.959.381.663</u>	<u>37.647.691.476</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Phí vận chuyển trả hộ	81.987.755.445	56.474.783.312
Tạm ứng cho nhân viên	10.861.861.484	35.661.638.721
Kỳ quỹ	8.179.496.095	15.276.686.956
Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý	3.597.772.536	4.034.542.392
Phải thu lãi tiền gửi	2.289.024.982	2.289.655.351
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	-	1.650.000
Phải thu khác	5.530.796.290	1.380.804.417
	<u>112.446.706.832</u>	<u>115.119.761.149</u>
TỔNG CỘNG	501.962.127.536	566.979.045.792
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(61.178.643.106)	(57.283.192.711)
GIÁ TRỊ THUẦN	440.783.484.430	509.695.853.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	57.283.192.711	64.036.750.845
Dự phòng trích lập trong năm	4.244.413.445	6.063.311.712
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng trong năm	(348.963.050)	(12.816.869.846)
Số cuối năm	<u>61.178.643.106</u>	<u>57.283.192.711</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	87.197.430.616	90.278.254.151
Nguyên liệu, vật liệu	23.985.663.851	19.991.783.237
Hàng mua đang đi trên đường	1.503.200.000	1.862.163.637
Hàng hóa	928.479.957	1.318.035.598
Công cụ, dụng cụ	473.209.518	141.256.639
TỔNG CỘNG	114.087.983.942	113.591.493.262
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(143.039.190)	(5.634.879.753)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>113.944.944.752</u>	<u>107.956.613.509</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	6.479.460.908	12.013.127.565
Chi phí thuê đất và văn phòng	2.064.685.638	4.257.665.761
Công cụ, dụng cụ	1.523.816.163	3.497.413.948
Phí bảo hiểm	1.420.136.797	1.255.318.659
Khác	1.470.822.310	3.002.729.197
Dài hạn	52.757.567.676	67.020.660.893
Chi phí sửa chữa văn phòng	34.783.133.315	49.398.686.355
Công cụ, dụng cụ	9.492.797.141	8.149.940.873
Chi phí thuê đất và nhà kho	4.531.725.803	5.921.744.617
Phí tư vấn tài cấu trúc doanh nghiệp	850.910.750	1.541.582.750
Khác	3.099.000.667	2.008.706.298
TỔNG CỘNG	<u>59.237.028.584</u>	<u>79.033.788.458</u>

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc dài hạn	<u>4.327.862.125</u>	<u>3.838.862.125</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	537.858.564.603	110.381.245.935	981.649.916.663	7.232.693.385	1.637.122.420.586
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	50.122.636.506	-	73.296.351.890	-	123.418.988.396
Mua trong năm	1.008.985.271	37.481.497.592	52.672.620.522	667.355.472	91.830.458.857
Thanh lý trong năm	-	(937.393.185)	(56.882.181.463)	-	(57.819.574.648)
Khác	-	-	-	(193.500.000)	(193.500.000)
Số cuối năm	<u>588.990.186.380</u>	<u>146.925.350.342</u>	<u>1.050.736.707.612</u>	<u>7.706.548.857</u>	<u>1.794.358.793.191</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	54.967.006.083	45.162.253.442	399.934.449.221	2.506.988.688	502.570.697.434
Chờ thanh lý	9.607.479.385	-	-	-	9.607.479.385
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(233.233.482.529)	(69.486.361.084)	(639.768.305.343)	(5.354.652.863)	(947.842.801.819)
Khấu hao trong năm	(28.585.792.050)	(19.473.215.524)	(56.183.321.863)	(797.634.201)	(105.039.963.638)
Thanh lý trong năm	-	937.393.185	34.381.877.678	-	35.319.270.863
Số cuối năm	<u>(261.819.274.579)</u>	<u>(88.022.183.423)</u>	<u>(661.569.749.528)</u>	<u>(6.152.287.064)</u>	<u>(1.017.563.494.594)</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	304.625.082.074	40.894.884.851	341.881.611.320	1.878.040.522	689.279.618.767
Số cuối năm	<u>327.170.911.801</u>	<u>58.903.166.919</u>	<u>389.166.958.084</u>	<u>1.554.261.793</u>	<u>776.795.298.597</u>
Trong đó:					
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 22.2)	-	-	156.823.273.338	-	156.823.273.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Máy móc và thiết bị</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>77.859.191.181</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(3.027.857.434)
Khấu hao trong năm	<u>(5.190.612.744)</u>
Số cuối năm	<u>(8.218.470.178)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>74.831.333.747</u>
Số cuối năm	<u>69.640.721.003</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế quyền thuê đất	VND
	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng cộng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	55.339.085.280	6.391.945.823	38.090.832.844	99.821.863.947
Mua trong năm	-	2.113.925.000	-	2.113.925.000
Phân loại lại	-	41.230.000	-	41.230.000
Số cuối năm	<u>55.339.085.280</u>	<u>8.547.100.823</u>	<u>38.090.832.844</u>	<u>101.977.018.947</u>
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	3.060.091.729	-	3.060.091.729
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(4.845.899.889)	(36.465.087.923)	(41.310.987.812)
Hao mòn trong năm	-	(707.689.337)	(52.443.385)	(760.132.722)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(5.553.589.226)</u>	<u>(36.517.531.308)</u>	<u>(42.071.120.534)</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>55.339.085.280</u>	<u>1.546.045.934</u>	<u>1.625.744.921</u>	<u>58.510.876.135</u>
Số cuối năm	<u>55.339.085.280</u>	<u>2.993.511.597</u>	<u>1.573.301.536</u>	<u>59.905.898.413</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nâng cấp Cảng Long Bình	160.355.237.773	108.236.490.856
Đóng mới và hoán cải tàu	42.743.640.256	73.445.851.890
Máy móc và phương tiện vận chuyển đang lắp đặt	23.100.027.020	4.859.680.000
Nâng cấp cảng ICD	15.339.404.809	-
Khác	5.051.855.000	1.156.702.900
TỔNG CỘNG	246.590.164.858	187.698.725.646

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết

Công ty liên doanh và liên kết	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ sở hữu	Số đầu năm
	%	VND	%	VND
PDN	18,90	362.077.275.017	18,90	337.153.192.761
VICT	34,54	143.371.136.200	34,54	181.641.585.215
The Pier	50,00	9.949.938.286	50,00	9.968.623.948
SORECO	50,00	9.922.435.801	50,00	9.923.715.555
SOWATCOSER	24,49	2.940.307.568	24,49	3.244.812.162
TỔNG CỘNG		528.261.092.872		541.931.929.641

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Giá trị đầu tư	VND						
	SORECO	The Pier	SOWATCO -ECO 747	SOWATCOSER	VICT	PDN	Tổng cộng
Số đầu năm và cuối năm	10.000.000.000	10.000.000.000	3.561.349.400	3.039.240.000	155.730.813.876	293.737.601.250	476.069.004.526
Số đầu năm	(76.284.446)	(31.376.053)	(3.561.349.400)	205.572.163	25.910.771.339	43.415.591.512	65.862.925.115
Phần (lỗ) lợi nhuận trong năm	(1.279.753)	(18.685.661)	-	(304.504.595)	12.900.550.985	47.424.082.255	60.000.163.231
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(51.171.000.000)	(22.500.000.000)	(73.671.000.000)
Số cuối năm	(77.564.199)	(50.061.714)	(3.561.349.400)	(98.932.432)	(12.359.677.676)	68.339.673.767	52.192.088.346
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	9.923.715.554	9.968.623.947	-	3.244.812.163	181.641.585.215	337.153.192.762	541.931.929.641
Số cuối năm	9.922.435.801	9.949.938.286	-	2.940.307.568	143.371.136.200	362.077.275.017	528.261.092.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá gốc khoản đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietransimex	816.000.000	12,5	816.000.000	12,5
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0,05	440.000.000	0,05
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639	0,002	373.124.639	0,002
TỔNG CỘNG	1.629.124.639		1.629.124.639	

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải – Xây dựng và Dịch vụ Trúc Minh	7.083.855.620	-
Công ty Cổ phần Xây dựng U&I	6.111.991.354	9.723.267.400
Công ty TNHH Quảng cáo Tiếp thị Ban Mai	5.987.694.777	3.822.316.802
Công ty Cổ phần Công trình Quốc tế Taupo	5.952.800.000	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật KOPEN	5.302.523.217	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Minh Tài	3.289.266.138	12.177.036.790
Công ty TNHH Một thành viên Hạnh Minh Quang	3.135.114.823	11.197.345.710
Công ty TNHH Cơ khí Ô tô Thanh Trung	2.744.825.190	-
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Huỳnh Phong	2.419.621.321	-
Công ty TNHH Young Cheon	2.265.692.829	9.472.663.885
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	318.346.530	70.136.999
Khác	90.432.048.021	170.924.224.121
TỔNG CỘNG	135.043.779.820	217.386.991.707

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Khang Nguyên	1.323.291.788	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa Chất	920.502.500	920.502.500
Công ty TNHH Điện gió Sunpro – Bến Tre số 8	-	14.919.463.681
Khác	2.545.703.508	3.666.058.944
TỔNG CỘNG	4.789.497.796	19.506.025.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.030.833.575	70.816.314.593	(72.508.410.408)	10.338.737.760
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.936.169	-	(106.936.169)	-
Thuế nhà đất	3.086.756.700	31.464.611.060	(33.989.972.155)	561.395.605
TỔNG CỘNG	15.224.526.444	102.280.925.653	(106.605.318.732)	10.900.133.365
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.577.454.903	54.423.396.521	(47.603.886.961)	16.396.964.463
Thuế giá trị gia tăng	3.484.930.242	128.038.022.491	(128.380.882.675)	3.142.070.058
Thuế thu nhập cá nhân	2.027.313.767	11.514.146.927	(11.100.066.545)	2.441.394.149
Thuế khác	(95.094.520)	23.225.273.472	(23.224.273.472)	(94.094.520)
TỔNG CỘNG	14.994.604.392	217.200.839.411	(210.309.109.653)	21.886.334.150

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thưởng	7.784.643.873	6.300.779.123
Chi phí dự án	4.497.213.505	24.808.605.792
Chi phí lãi vay	251.624.279	3.295.903.080
Khác	7.421.543.814	4.018.513.682
TỔNG CỘNG	19.955.025.471	38.423.801.677

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu nhập từ hỗ trợ di dời (*)	36.050.598.364	36.050.598.364
Khác	1.313.636.362	749.999.999
TỔNG CỘNG	37.364.234.726	36.800.598.363

(*) Đây là khoản thu nhập từ hỗ trợ di dời chưa thực hiện theo các Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 1B Hoàng Diệu và 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	136.870.082.856	143.518.187.791
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Thu hộ	10.453.639.404	6.495.155.698
Phải trả cho thuyền viên	6.146.258.518	11.582.635.532
Kỳ cược, ký quỹ	4.207.430.667	9.544.316.863
Cổ tức công bố	-	573.468.776
Khác	36.122.754.267	35.382.610.922
Dài hạn	41.393.615.000	44.612.720.000
Nhận đặt cọc từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (iii)	30.000.000.000	30.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược khác	11.043.615.000	14.262.720.000
Khác	350.000.000	350.000.000
TỔNG CỘNG	178.263.697.856	188.130.907.791

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	40.816.000.000	40.816.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C	39.940.000.000	39.940.000.000
Phải trả các bên khác	97.507.697.856	107.374.907.791

- (i) Đây là các khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao các khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) Đây là các khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier mà Nhóm Công ty đang nắm giữ.
- (iii) Đây là khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam và Nhóm Công ty cùng phối hợp triển khai mọi công việc, thủ tục có liên quan cũng như duy trì quyền và lợi ích đối với Quyền Tài sản tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và số 2B, Đường 13, Phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

22. CÁC KHOẢN VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	67.675.080.136	65.443.257.955
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	36.167.781.582	32.829.407.251
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	21.268.018.554	19.994.210.704
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	10.239.280.000	12.619.640.000
Vay dài hạn	122.303.880.289	171.789.222.610
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	106.944.960.289	146.191.022.610
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 22.3)	15.358.920.000	25.598.200.000
TỔNG CỘNG	189.978.960.425	237.232.480.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	65.443.257.955	171.789.222.610	237.232.480.565
Tiền thu từ đi vay	136.060.952.954	21.877.915.643	157.938.868.597
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	10.239.280.000	(10.239.280.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	20.907.312.687	(20.907.312.687)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(164.975.723.460)	(29.357.993.776)	(194.333.717.236)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	(12.619.640.000)	(12.619.640.000)
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	1.760.968.499	1.760.968.499
Số cuối năm	67.675.080.136	122.303.880.289	189.978.960.425

22.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn cuối cùng	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	36.167.781.582	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2023 đến ngày 16 tháng 6 năm 2023	4,1 – 8,2	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, công ty mẹ với hạn mức 56.000.000.000 VND (Thuyết minh số 34)

22.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động và các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty, chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

22.2 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn cuối cùng	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR") (i)	45.030.253.976	1.897.608	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	1,5	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 6.222.341.165 VND (Thuyết minh số 11)
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF") (ii)	5.455.869.661	229.914	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,0	và khoản tiền gửi có kỳ hạn 50.000.000.000 VND (Thuyết minh số 6.2)
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	47.579.290.041	-	Ngày 29 tháng 10 năm 2025	9,0	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 69.254.611.505 VND và 37.250.000.030 VND (Thuyết minh số 11)
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	24.161.133.165	-	Ngày 28 tháng 12 năm 2026	5,75	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 37.206.021.725 VND và chứng thư bảo lãnh tại CTCP Kho vận Miền Nam với hạn mức 27.000.000.000 VND (Thuyết minh số 34)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	5.986.432.000	-	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2027	8,9 - 9,0	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 6.890.298.913 VND (Thuyết minh số 11)
TỔNG CỘNG	128.212.978.843	2.127.522			
Trong đó:					
Vay dài hạn	106.944.960.289				
Vay dài hạn đến hạn trả	21.268.018.554				

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

22.2 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính ("BTC") và Nhóm Công ty. BTC sẽ cho Nhóm Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB chấp thuận, chi tiết như sau:

(i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tài trợ tài chính và tài cấu trúc doanh nghiệp của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch từ điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ một năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.

(ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án công có và tài cấu trúc hoạt động của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ một năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.

22.3 Nợ thuế tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Nợ gốc
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả				
Đến 1 năm	11.811.556.510	1.572.276.510	14.970.612.737	2.350.972.737
Nợ thuế tài chính dài hạn				
Trên 1 đến 5 năm	16.146.208.421	787.288.421	27.957.764.931	25.598.200.000
TỔNG CỘNG	27.957.764.931	2.359.564.931	42.928.377.668	38.217.840.000

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện chi phí dự phòng bảo hành công trình với thời hạn bảo hành không quá 12 tháng.
Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước					
Số đầu năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	2.710.917.376	577.033.628.141	1.560.245.080.617
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	232.783.835.781	232.783.835.781
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.972.752.783)	(2.972.752.783)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(669.490.604)	(669.490.604)
Trích lập quỹ đầu tư, phát triển	-	-	138.608.973	(138.608.973)	-
Khác	-	-	-	(1.456.072.231)	(1.456.072.231)
Số cuối năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	2.849.526.349	804.580.539.331	1.787.930.600.780
Năm nay					
Số đầu năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	2.849.526.349	804.580.539.331	1.787.930.600.780
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	238.406.244.652	238.406.244.652
Trích lập các quỹ	-	-	-	(9.302.978.355)	(9.302.978.355)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(4.824.473.582)	(4.824.473.582)
Số cuối năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	2.849.526.349	1.028.859.332.046	2.012.209.393.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	98.253.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	98.253.357

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24.3 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	238.406.244.652	232.783.835.781
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(4.932.932.596)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	238.406.244.652	227.850.903.185
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.253.357	98.253.357
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản	2.426	2.319
- Lãi suy giảm	2.426	2.319

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/STG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng trong năm và vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	97.098.977.533	83.994.218.339
Lợi nhuận thuần trong năm	15.156.112.558	13.862.794.003
Cổ tức công bố	(219.716.400)	(420.728.576)
Các khoản khác	(530.752.058)	(337.306.233)
Số cuối năm	<u>111.504.621.633</u>	<u>97.098.977.533</u>

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.479.816.474.370	2.738.001.299.043
Doanh thu bán hàng hóa	159.438.088.738	148.510.306.464
TỔNG CỘNG	<u>2.639.254.563.108</u>	<u>2.886.511.605.507</u>

Trong đó:

Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	229.756.081.888	144.101.860.411
Doanh thu đối với khách hàng khác	2.409.498.481.220	2.742.409.745.096

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.338.121.483	7.191.112.900
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.124.407.889	1.389.314.883
Cổ tức, lợi nhuận được chia	179.903.400	-
TỔNG CỘNG	<u>14.642.432.772</u>	<u>8.580.427.783</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.034.485.670.824	2.264.384.986.689
Giá vốn của hàng hóa đã bán	152.824.260.124	134.375.705.049
TỔNG CỘNG	<u>2.187.309.930.948</u>	<u>2.398.760.691.738</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.403.277.637	15.272.204.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.744.023.669	192.446.135
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	62.295.731	(45.427.526)
Khác	1.870.102.544	3.244.760.060
TỔNG CỘNG	<u>23.079.699.581</u>	<u>18.663.983.386</u>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	80.071.531.567	91.827.968.500
Chi phí nhân viên	49.742.635.727	59.474.651.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.470.959.726	20.932.355.515
Chi phí bán hàng khác	11.857.936.114	11.420.961.440
Chi phí quản lý doanh nghiệp	129.681.110.424	134.173.137.264
Chi phí nhân viên	74.528.021.521	73.470.738.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.163.454.855	25.350.070.750
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 4)	10.250.568.400	10.250.568.400
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.895.450.395	5.895.837.176
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	18.843.615.253	19.205.922.317
TỔNG CỘNG	<u>209.752.641.991</u>	<u>226.001.105.764</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.567.792.832.478	1.973.075.216.466
Hàng hóa, nguyên vật liệu	352.254.777.397	261.341.226.234
Chi phí nhân viên	294.294.703.538	232.985.264.981
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12, 13)	110.990.709.104	93.413.928.936
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 4)	10.250.568.400	10.250.568.400
Chi phí khác	61.478.982.022	53.695.592.485
TỔNG CỘNG	2.397.062.572.939	2.624.761.797.502

31. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	16.703.362.385	7.732.327.779
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	13.894.622.788	6.058.993.149
Tiền phạt thu được	-	274.925.420
Khác	2.808.739.597	1.398.409.210
Chi phí khác	(4.372.571.884)	(2.616.342.067)
Chi phí nộp phạt	(3.031.118.297)	(1.574.866.572)
Chi phí khác	(1.341.453.587)	(1.041.475.495)
LỢI NHUẬN KHÁC	12.330.790.501	5.115.985.712

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN năm nay	54.423.396.521	49.194.150.951
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	-	1.021.884.068
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	54.423.396.521 (1.900.076.639)	50.216.035.019 5.491.663.347
TỔNG CỘNG	52.523.319.882	55.707.698.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Chi phí TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	306.085.677.092	302.354.328.150
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	61.217.135.418	60.470.865.630
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Phân bổ lợi thế thương mại	2.050.113.680	2.050.113.680
Chi phí không được trừ	1.401.282.080	1.397.790.964
Lỗ ghi nhận thuế hoãn lại	35.975.659	50.399.853
Phân lãi từ công ty liên kết	(12.000.032.646)	(9.114.418.007)
Cổ tức nhận được	-	(14.384.760)
Khác	(181.154.309)	(154.553.062)
Thuế TNDN sau điều chỉnh	52.523.319.882	54.685.814.298
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	1.021.884.068
Chi phí thuế TNDN	52.523.319.882	55.707.698.366

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	14.967.566.587	12.642.607.168	2.324.959.419	(224.162.253)
Chi phí phải trả	982.654.704	429.615.655	553.039.049	25.371.628
Dự phòng trợ cấp thôi việc	725.195.041	743.129.306	(17.934.265)	243.127.750
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(736.452.752)	(732.459.670)	(3.993.082)	682.505
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.098.368.113	(1.098.368.113)	1.098.368.113
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(71.041.653)	(71.041.653)	-	-
Khấu hao	77.004.545	(54.880.409)	131.884.954	(265.760.038)
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản	(8.377.653.670)	(8.388.142.347)	10.488.677	10.488.677
Lỗ tính thuế chuyển sang năm sau	-	-	-	(6.379.779.729)
TỔNG CỘNG	7.567.272.802	5.667.196.163	1.900.076.639	(5.491.663.347)

Trong đó:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15.977.624.435	14.055.338.510
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(8.410.351.633)	(8.388.142.347)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần Công ty TNHH MTV ITL Logistics Đà Nẵng	Công ty mẹ Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai Công ty TNHH Bất động sản Soreco Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimex Công ty TNHH Logistics Techhub Công ty TNHH Dash Logistics Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Miền Nam	Công ty liên doanh Công ty liên doanh Công ty liên doanh Công ty liên doanh Công ty liên doanh Công ty liên doanh Công ty liên kết Công ty liên kết Công ty liên kết

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ mua bán với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 ("VICT")	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức Bán hàng hóa Sử dụng dịch vụ	78.352.435.778 51.171.000.000 28.395.620.163 813.299.348	42.297.762.297 51.481.800.000 15.613.961.213 930.001.778
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên doanh	Nhận cổ tức Cung cấp dịch vụ	22.500.000.000 3.402.779	13.125.000.000 4.409.091
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ Mua tài sản và công cụ, dụng cụ	42.425.113.571 1.805.801.017 -	4.466.112.843 85.950.603.615 21.000.000.000
Công ty TNHH MTV ITL Logistics Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	146.324.557.430	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	3.030.107.519	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường Thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	239.777.365	235.124.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
				VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	26.995.025.848	15.327.341.633
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325
Công ty TNHH MTV ITL Logistics Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	5.249.676.345	-
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	3.332.143.612	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tổng hợp Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	765.122.017	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	601.947.955
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	9.210.166	63.920.000
			42.815.096.313	22.457.127.913
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Công ty mẹ	Chi hộ	-	1.650.000
Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty TNHH Logistics Techhub	Công ty liên doanh	Sử dụng dịch vụ	284.858.065	-
Công ty TNHH Dash Logistics	Công ty liên doanh	Sử dụng dịch vụ	32.193.437	-
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	1.295.028	70.136.999
			318.346.530	70.136.999
Phải trả ngắn hạn khác				
SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ đi đời	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimes	Công ty liên doanh	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
			40.816.000.000	40.816.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Vũ Thành	2.113.940.000	1.324.800.800
Ông Trần Tuấn Anh	180.000.000	155.000.000
Ông Đỗ Lê Hùng	504.000.000	479.000.000
Ông Đặng Doãn Kiên	47.333.334	105.000.000
Ông Nguyễn Quốc Thúc	120.000.000	105.000.000
Ông Lee Kian Huat	75.000.000	-
TỔNG CỘNG	3.040.273.334	2.168.800.800

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	34.912.444.809	52.841.481.073
Từ 1 đến 5 năm	29.867.127.428	24.213.275.036
Tên 5 năm	110.529.587.919	59.171.928.963
TỔNG CỘNG	175.309.160.156	136.226.685.072

Các cam kết khác

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản bảo lãnh cho các khoản vay và thuê tài chính cho các bên liên quan với hạn mức bảo lãnh như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Thuê tài chính	56.000.000.000	56.000.000.000
		Vay ngân hàng thương mại	27.000.000.000	27.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Vay ngân hàng thương mại	-	26.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Kiện tụng

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4 đang thụ lý vụ kiện trong đó một công ty bảo hiểm đã khởi kiện Nhóm Công ty về việc hoàn trả tiền bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đền bù cho một khách hàng liên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 11.781.673.242 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc ty đang trong quá trình chuẩn bị cho việc kiện tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy vì vậy Nhóm Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, mà trình bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn Mục Kế toán Việt Nam số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.355.996	1.672.035
- Đồng Euro (EUR)	2.430	486

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Tổng cộng
						VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Doanh thu bộ phận						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	2.318.910.921.290	159.438.088.738	-	155.622.691.268	5.282.861.812	2.639.254.563.108
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	92.601.002.647	67.186.340.773	-	-	-	159.787.343.420
	2.411.511.923.937	226.624.429.511	-	155.622.691.268	5.282.861.812	2.799.041.906.528
Đối chiếu:						
Loại trừ doanh thu giữa các bộ phận						(159.787.343.420)
Doanh thu trong năm						2.639.254.563.108
Lợi nhuận bộ phận	227.464.281.932	6.613.828.614	-	6.260.142.642	1.853.736.981	242.191.990.169
Đối chiếu:						
Phần lãi trong công ty liên doanh và liên kết						60.000.163.231
Cổ tức, lợi nhuận được chia						179.903.400
Lãi tiền gửi						9.338.121.483
Chi phí lãi vay						17.403.277.637
Dự phòng giảm giá đầu tư						62.295.731
Chi phí tài chính khác						3.744.023.669
Doanh thu không phân bổ						21.827.770.274
Chi phí không phân bổ						(48.661.868.500)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						306.085.677.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Tổng cộng
						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Tài sản bộ phận	1.762.458.871.669	45.728.607.541	4.641.650.834	12.214.901.620	-	1.825.044.031.664
Đối chiếu:						
Phải thu bộ phận						(66.212.407.924)
Tài sản không phân bổ						1.025.203.309.042
Tổng tài sản	440.646.519.157	447.620.626	-	423.266.600	43.706.535.754	485.223.942.137
Nợ phải trả bộ phận						
Đối chiếu:						
Phải trả bộ phận						(72.396.769.554)
Nợ phải trả không phân bổ						247.493.745.071
Tổng nợ phải trả						660.320.917.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Tổng cộng
						VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Doanh thu bộ phận						
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	2.740.423.877.211	113.679.622.935	4.707.901.055	22.212.863.582	5.487.340.724	2.886.511.605.507
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	112.409.593.679	34.830.683.529	-	34.250.486.960	-	181.490.764.168
	2.852.833.470.890	148.510.306.464	4.707.901.055	56.463.350.542	5.487.340.724	3.068.002.369.675
Đối chiếu:						
Loại trừ doanh thu giữa các bộ phận						(181.490.764.168)
Doanh thu trong năm						2.886.511.605.507
Lợi nhuận bộ phận	246.432.786.659	10.528.007.725	-	2.334.974.537	1.546.760.124	260.842.529.045
Đối chiếu:						
Phần lãi trong công ty liên doanh và liên kết						45.572.090.036
Cổ tức, lợi nhuận được chia						71.987.400
Lãi tiền gửi						7.191.112.900
Chi phí lãi vay						15.272.204.717
Dự phòng giảm giá đầu tư						(45.427.526)
Chi phí tài chính khác						192.446.135
Doanh thu không phân bổ						9.049.655.262
Chi phí không phân bổ						(35.792.269.819)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						302.354.328.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh thương mại	Cơ khí đóng tàu	Xây dựng	Xuất khẩu lao động	Tổng cộng
						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Tài sản bộ phận						
Tài sản	1.740.091.037.549	41.004.761.783	906.345.430	5.357.356.365	-	1.787.359.501.127
Đối chiếu:						
Phải thu bộ phận						(30.560.472.394)
Tài sản không phân bổ						927.391.776.088
Tổng tài sản	503.765.555.145	423.645.547	-	423.266.600	54.948.486.770	559.560.954.062
Nợ phải trả bộ phận						
Phải trả bộ phận						(36.168.669.248)
Nợ phải trả không phân bổ						275.768.941.694
Tổng nợ phải trả						799.161.226.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

			
Lâm Chí Dũng Người lập	Nguyễn Hoàng Giang Kế toán trưởng	Nguyễn Mai Khánh Trinh Giám đốc tài chính	Đặng Vũ Thành Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHO VẠN
MIỀN NAM**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0300645369, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM,
S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: Approved
Location:
Date: 2023-03-30 14:08:54
Foxit Reader Version: 9.0.0





CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.28) 6268 5858 - Fax: (84.28) 3826 6593

Email: info@sotrans.com.vn - Website: www.sotrans.com.vn